

Bản án số: 47/2024/DS-ST

Ngày: 18 - 7 - 2024

V/v: “*Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trà Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:+ Bà Phan Thị Khánh Phượng

+ Ông Đỗ Thanh Đình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 53/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 150/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lê Văn S**, sinh năm 1997, vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Đội 2, thôn Thế Long, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1976, vắng mặt

Bà **Võ Thị Bích H**, sinh năm 1979, vắng mặt

Cùng địa chỉ: **Thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 19/12/2023, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 09/01/2024, trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông **Lê Văn S** trình bày:

Thông qua mối quan hệ ngoài xã hội, ông quen biết vợ chồng ông **Nguyễn Hữu T**, bà **Võ Thị Bích H**. Đến ngày 06/12/2022, vợ chồng ông **T**, bà **H** cần vốn làm ăn nên hỏi mượn ông số tiền 200.000.000 đồng, tin tưởng họ nên ông đồng ý cho mượn số tiền 200.000.000 đồng và không thỏa thuận lãi suất. Khi nhận đủ tiền, bà **H** và ông **T** viết giấy mượn tiền ngày 06/12/2022 cam kết thời gian hoàn trả cho ông là tháng 04/2023.

Tại thời điểm vợ chồng ông T, bà H mượn tiền có nói với ông cần vốn làm ăn nên ông chỉ biết mục đích mượn tiền là cần vốn làm ăn, ông cho mượn tiền không thỏa thuận lãi suất.

Nhưng hết tháng 04/2023, bà H, ông T không trả nợ cho ông như đã cam kết. Ông nhiều lần tìm gặp ông T, bà H để yêu cầu trả tiền. Thời gian đầu, ông T, bà H đưa ra lý do đang khó khăn, tạm thời họ chưa có tiền trả nên xin ông cho thời gian để trả nợ nhưng đến nay, họ không trả nợ cho ông.

Vậy nay, ông yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi giải quyết buộc bà Võ Thị Bích H, ông Nguyễn Hữu T trả toàn bộ số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và số tiền lãi từ ngày 01/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 18/7/2024 là 24.256.960 đồng (14,56 tháng x 0,833%/tháng x 200.000.000 đồng). Tổng số tiền gốc và lãi mà ông T, bà H phải trả cho ông là 224.256.960 đồng.

* Bị đơn bà Võ Thị Bích H, ông Nguyễn Hữu T vắng mặt không trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về những nội dung sau:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng.

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý, xác định tư cách tham gia tố tụng, việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ, trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự; đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

+ Nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Bị đơn chấp hành không đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về việc giải quyết vụ án.

Căn cứ Điều 26, 35, 91, 92, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b, c khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết 326/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn S.

Buộc bà Võ Thị Bích H, ông Nguyễn Hữu T phải trả cho ông Lê Văn S số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả từ ngày 01/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 18/7/2024 là 24.256.960 đồng (14,56 tháng x

0,833%/tháng x 200.000.000 đồng). Tổng số tiền gốc và lãi mà ông T, bà H phải trả cho ông S là 224.256.960 đồng.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự 5.312.375 đồng cho ông Lê Văn S đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001552 ngày 05/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp khoản 3 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn ông Lê Văn S vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà Võ Thị Bích H, ông Nguyễn Hữu T đã được triệu tập lần thứ hai vẫn vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn S yêu cầu bà Võ Thị Bích H, ông Nguyễn Hữu T trả số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng, nhận thấy:

Tại giấy mượn tiền ngày 06/12/2022 do bà Võ Thị Bích H, ông Nguyễn Hữu T ký có nội dung: “Võ Thị Bích H, Nguyễn Hữu T hộ khẩu thường trú xã T, thành phố Q có mượn của ông Lê Văn S số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Thời gian trả tháng 04/2023”.

Như vậy, xác định được rằng ông T, bà H có vay tiền và hiện còn nợ ông S số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng. Do đó, ông S yêu cầu ông T, bà H trả nợ gốc với số tiền 200.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông S yêu cầu bà H, ông T phải trả tiền lãi, nhận thấy:

Ngày 06/12/2022 ông S cho bà H, ông T vay tiền, thời gian hoàn trả tháng 04/2023, không có lãi suất, do đó đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Đến nay bà H, ông T vẫn chưa trả nợ cho ông S là đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo giấy mượn tiền ngày 06/12/2022 thì không có lãi suất vay trong hạn. Ông S yêu cầu bà H, ông T phải trả cho ông S tiền lãi quá hạn với lãi suất quá hạn là 0,833%/tháng tính từ ngày 01/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 18/7/2024 là là 24.256.960 đồng (14,56 tháng x 0,833%/tháng x 200.000.000 đồng). Lãi suất mà ông S yêu cầu là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2.3] Như vậy, có căn cứ chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn S, yêu cầu bà Võ Thị Bích H, ông Nguyễn Hữu T phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi 24.256.960 đồng, tổng cộng là 224.256.960 đồng cho ông Lê Văn S.

[2.4] Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn bà **Võ Thị Bích H**, ông **Nguyễn Hữu T** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông **T**, bà **H**, có nội dung ông **S** yêu cầu bà **H**, ông **T** trả nợ gốc 200.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi nêu trên, tuy nhiên bà **H**, ông **T** không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập đương sự của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc ông **S** khởi kiện và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện do ông **S** đưa ra, nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do buộc bị đơn bà **Võ Thị Bích H**, ông **Nguyễn Hữu T** phải trả cho ông **Lê Văn S** tổng cộng gốc và lãi là 224.256.960 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.212.848 đồng.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông **Lê Văn S** là 5.321.375 đồng.

[4] Ý kiến về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ Khoản 3 Điều 26, 35, 91, 92, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 144, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 465, 466, Điều 468, khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

2/ Tuyên xử:

- Chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn ông **Lê Văn S**.

Buộc bà **Võ Thị Bích H**, ông **Nguyễn Hữu T** phải có nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và tiền lãi cho ông **Lê Văn S** tổng cộng 224.256.960 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn, chín trăm sáu mươi đồng), trong đó tiền gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi 24.256.960 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **Võ Thị Bích H**, ông **Nguyễn Hữu T** phải chịu 11.212.848 đồng (Mười một triệu, hai trăm mười hai nghìn, tám trăm bốn mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự 5.312.375 đồng (Năm triệu ba trăm mười hai nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng) cho ông **Lê Văn S** theo Biên

lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001552 ngày 05/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4/ Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tp Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trà Thanh Tùng